

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HS-ST
Ngày 18 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hiệp

Bà Hoàng Thị Len

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trọng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 11/2021/TB-TA ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đối với :

*** Bị cáo:** **Lê Thị H** sinh ngày 10/3/1971 tại xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 7/10; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Đức M (đã chết) và bà Phan Thị M1 (đã chết); chồng là Phạm Văn T2 sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2021 đến nay (có mặt).

*** Người làm chứng:**

- Bà Phạm Thị D sinh năm 1965

Địa chỉ: tại thôn V, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Bà Phạm Thị H2 sinh năm 1965

Địa chỉ: thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Ông Vũ Quang K, sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Anh Lê Đức H3 sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn H4, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Ông Phạm Văn T2 sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Ông Vũ Quang S sinh năm 1962

Địa chỉ: thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Ông Lê Văn M2 sinh năm 1967

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Ông Nguyễn Tân T3 sinh năm 1965

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Ông Phạm Đình Q, sinh năm 1972

Nơi cư trú: thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

(Bà H2, ông M2, ông T2 có mặt; bà D, ông K, anh H3, ông S, ông T3, ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2013 đến năm 2018, Lê Thị H đi xuất khẩu lao động ở Macao, Trung Quốc, làm giúp việc gia đình, chủ nhà là một người phụ nữ (nay H không nhớ rõ họ tên, tuổi, địa chỉ). Khoảng năm 2013, chủ nhà có nhờ H tìm người Việt Nam sang làm việc chăn nuôi thỏ, trồng rau, cỗ cho thỏ ăn tại trang trại của người đó ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc với mức lương 2000 NDT/tháng và bao toàn bộ chi phí ăn, ở. H nghĩ đến bạn bè, người thân ở quê không có công ăn việc làm nên đã nhận lời bà chủ; sau đó H vào mạng xã hội Wechat tìm hiểu về việc đưa người Việt Nam sang Trung Quốc lao động; qua đó, H tìm được một tài khoản (đến nay không nhớ tên tài khoản), chủ tài khoản này cho biết: họ có khả năng đưa người Việt Nam đi từ địa bàn thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam đến bến xe cửa khẩu Macao, Trung Quốc theo đường tiểu ngạch với chi phí 800 NDT/người và đưa H số điện thoại để khi nào H đưa người đến thành phố Móng Cái thì gọi điện vào số điện thoại này sẽ có người đón và dẫn đến đúng địa chỉ; H đã ghi lại số điện thoại của người đó nhưng đến nay không nhớ. Đầu năm 2014, H về nhà ở xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình để ăn tết Nguyên đán cùng gia đình. Theo H khai, trước khi H về nước thì có người cùng làm ăn bên Trung Quốc có dặn H là khi nào sang Trung Quốc thì cho bà Vũ Thị Tâm người Hải Dương đi cùng và cho số điện thoại của bà Tâm để H liên lạc, đến nay H không nhớ được tên, địa chỉ chính xác của bà Tâm cũng như người nhờ đưa bà Tâm sang Trung Quốc. Trong thời gian nghỉ tết, H đã gặp anh trai là ông Lê Văn M2 (tên gọi khác là Thành) nói chuyện với ông M2 là chủ nhà bên Trung Quốc đang tìm người sang Trung Quốc làm trang trại ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc với mức lương 2000 NDT/tháng và bao toàn bộ chi phí ăn, ở; hình thức sang Trung Quốc qua đường

tiểu ngạch, H bố trí người đưa đón đến nơi làm việc; chi phí đi lao động hết 800 NDT/người, người đi phải tự chi trả; đồng thời, H ngỏ ý muốn đưa con trai của ông M2 là anh Lê Đức H3 sang Trung Quốc lao động vì cháu H3 mới lớn chưa có việc làm; ông M2 và anh H3 đồng ý. Cũng trong thời gian đó, H còn gặp vợ chồng bà Phạm Thị H2, ông Vũ Quang K và các bà Phạm Thị D, Phan Thị H5 là bạn bè, quen biết ở cùng xã và thông tin cho họ biết về việc chủ nhà của H có nhu cầu thuê người sang Trung Quốc lao động với nội dung như H đã trao đổi với ông M2 và anh H3. Sau khi nghe H nói, những người này đều nhờ H đưa sang Trung Quốc để làm ăn, H đồng ý và dặn mọi người chuẩn bị tiền, quần áo, đúng 06 giờ sáng ngày 05/2/2014 (tức ngày mùng 6 tháng Giêng) tập trung tại Ngã tư M3, thị trấn A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình để đi đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh sau đó sẽ vượt biên sang Trung Quốc. H còn gọi điện cho chủ trang trại người Trung Quốc để bố trí việc làm cho mọi người.

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 05/02/2014 (tức mùng 6 tháng Giêng), H nhờ chồng là ông Phạm Văn T2 dùng xe máy chở H cùng anh H3 đến Ngã tư M3, thị trấn A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình. Bà H2, anh K, bà D, bà Hoa cũng có mặt ở đó. Mọi người cùng lên xe ô tô chở khách loại 30 ghế ngồi chạy tuyến đi Móng Cái, Quảng Ninh, H trả tiền vé xe của mình và anh H3, những người khác tự trả tiền vé của mình. Khoảng 14 giờ cùng ngày, xe ô tô đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. H gọi điện cho bà Tâm bảo bà Tâm ra đi cùng mọi người, lúc này đang ở Móng Cái. Khi gặp bà Tâm, H cho bà Tâm số điện thoại của người sẽ dẫn mọi người vượt biên sang Trung Quốc và dặn mọi người khi nào đến bến đò sông Ka Long thì gọi điện để họ đón và khi đến bến xe cửa khẩu Macao, Trung Quốc thì gọi điện để H đón. Sau đó, H tách đoàn và nhập cảnh vào Trung Quốc qua đường cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Bà Tâm cùng bà H2, ông K, bà D, bà Hoa và anh H3 đi đến khu vực bến đò sông KaLong gọi điện theo chỉ dẫn của H thì có một người đàn ông người Trung Quốc khoảng 30 tuổi đến gặp và dẫn mọi người xuống đò đi qua sông KaLong sang Trung Quốc rồi chạy bộ khoảng 1km có người đi xe máy đón đưa đến nhà của người đàn ông Trung Quốc trên ăn, nghỉ. Bà Tâm, bà H2, ông K, bà D, bà Hoa và anh H3 mỗi người đưa cho người đàn ông Trung Quốc 800 NDT. Ngày hôm sau, cả đoàn lên xe ô tô đến đón đi tiếp đến sáng ngày 07/02/2014 đến bến xe cửa khẩu Macao, Trung Quốc được H và chủ sử dụng lao động người Trung Quốc đón đưa về làm việc, ăn, ở trong trang trại nuôi thả tại tỉnh Quảng Đông. H không thu bất kỳ khoản chi phí nào của những người mà H đưa sang Trung Quốc cũng như của chủ trang trại. Cuối tháng 02/2014, bà H2, ông K được chủ sử dụng lao động bố trí làm việc tại một nhà hàng ở Quảng Đông;

tháng 5/2014, anh H3 xin nghỉ việc về Việt Nam; tháng 7/2014, bà Hoa và bà D xin nghỉ làm ở trang trại và tự đi liên hệ làm việc tại xưởng sản xuất bóng đèn ở tỉnh Quảng Đông, đến tháng 01/2015 về Việt Nam; còn H làm việc tại Macao đến năm 2018 do bị bệnh nên nghỉ việc về sinh sống tại thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Tháng 4/2020, vợ chồng bà H2, ông K về Việt Nam. Bà Tâm đi giúp việc gia đình, tất cả những người đi sang Trung Quốc đều không biết bà Tâm hiện nay ở đâu.

Cáo trạng số 50/CT-VKSTB ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố Lê Thị H về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng; những người làm chứng có mặt tại phiên tòa đều trình bày: Thời điểm đó họ không có công ăn việc làm, thậm chí có người còn rơi vào tình trạng vỡ nợ nên khi nghe H cho biết có thể đưa họ sang Trung Quốc làm ăn dù chỉ với mức lương rất thấp tương đương khoảng 4.000.000đồng/ tháng thì họ đều gặp H nhờ H dẫn sang Trung Quốc làm ăn, H không được hưởng lợi lộc gì; họ đều đề nghị Tòa án xem xét cho H được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Thị H mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 04 đến 05 năm.

- Về vật chứng, tài sản quản lý: không.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo do không hiểu biết nên đã phạm tội, nay bị cáo rất ân hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương vì hiện nay bị cáo bị mắc bệnh u màng não góc cầu tiểu não phải, đã phẫu thuật nhưng hiện sức khỏe rất yếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố

tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn trình báo và lời khai của chị Phan Thị H5 sinh năm 1975, trú tại thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình (bút lục số 139; từ số 141 đến 167);

- Danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 02/4/2021 do Phòng 7 – Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an trả lời công văn số 162 ngày 01/4/2021 của Pa08 Công an tỉnh Thái Bình, kết quả: 27 lần xuất nhập cảnh của Lê Thị H; 4 lần của Phạm Thị H2 (bút lục từ số 269 đến số 271);

- Biên bản giao nhận số 54/BB-GN ngày 30/4/2020 của Đoàn biên phòng Quang Long Bộ đội biên phòng tỉnh Cao Bằng giao nhận công dân Việt Nam từ Trung Quốc trở về qua đường mòn trên biên giới (mốc 876) (Bút lục số 258, 259);

- Công văn số 170/PA08 ngày 05/4/2021 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình cung cấp thông tin: Lê Thị H sinh năm 1971, trú tại thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình: Xuất nhập cảnh tổng số 27 lượt, lần đầu ngày 05/11/2002, lần gần nhất 27/3/2018, trong đó có lần xuất cảnh qua cửa khẩu Móng Cái vào lúc 14 giờ 59 phút ngày 05/02/2014; Phan Thị H2 sinh năm 1965, trú tại thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình: Xuất nhập cảnh tổng số 04 lượt, lần đầu ngày 05/01/2004, lần gần nhất 18/7/2013 bằng hộ chiếu số B6212880; Phan Thị H5 sinh năm 1975, trú tại thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình, Phạm Thị D sinh năm 1965, trú tại thôn V, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình, Vũ Quang K sinh năm 1964, trú tại thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình, Lê Đức H3 sinh năm 1994 trú tại thôn H4, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình: không thấy thông tin xuất nhập cảnh (Bút lục số 267, 268);

- Lời khai của những người làm chứng, gồm: bà Phạm Thị D (từ bút lục số 215 đến số 226); bà Phạm Thị H2 (từ bút lục số 168 đến số 181); ông Vũ Quang K (từ bút lục số 183 đến số 192); anh Lê Đức H3 (từ bút lục số 197 đến số 205); ông Phạm Văn T2 (từ bút lục số 230 đến số 239); ông Vũ Quang S sinh năm 1962, trú tại thôn H1, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình (từ bút lục số 207 đến số 213); ông

Nguyễn Tân T3 (bút lục số 228, 229); ông Phạm Đình Q (từ bút lục số 165 đến số 167);

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận:

Ngày 05/02/2014, bị cáo Lê Thị H đã tổ chức cho 05 công dân Việt Nam trốn sang Trung Quốc để lao động, gồm: bà Phạm Thị D sinh ngày 15/5/1965, bà Phạm Thị H2 sinh ngày 20/4/1965, ông Vũ Quang K sinh ngày 20/7/1964, anh Lê Đức H3 sinh ngày 19/8/1994 đều trú tại xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình và bà Vũ Thị Tâm trú tại tỉnh Hải Dương.

[4] Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép:

“1. Người nào tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 91 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. ...

3. ...”

[5] Hành vi của bị cáo Lê Thị H đã phạm tội *“Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”* với tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của điều luật này.

[6] Bị cáo Lê Thị H đã từng xuất khẩu lao động tại Đài Loan thời gian dài, H hiểu rõ công dân Việt Nam muốn sang Trung Quốc lao động đều phải làm thủ tục xuất cảnh theo quy định nhưng chỉ vì muốn giúp đỡ chủ sử dụng lao động bên Trung Quốc thuê được lao động Việt Nam với giá rẻ, đồng thời cũng là giúp đỡ bạn bè, người thân của mình ở Việt nam có công ăn việc làm tại Trung Quốc mà chi phí đi lại thấp, không phải làm thủ tục nên H đã tìm cách đưa bạn bè và cháu ruột của mình trốn qua biên giới sang Trung Quốc. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào các quy định nhằm đảm bảo trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm đến hoạt động xuất nhập cảnh của cơ quan nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại vùng biên giới của Tổ quốc.

[7] Xét về nhân thân và về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy: bị cáo Lê Thị H là người có nhân thân tốt, bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản

1, khoản 2, Điều 51 và khoản 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải”, bản thân bị cáo bị mắc bệnh u màng não góc cầu tiểu não phải, đã phẫu thuật nhưng sức khỏe yếu, khả năng lao động bị hạn chế; chồng của bị cáo đã có thời gian tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 54, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo dưới mức phạt tù thấp nhất mà khung hình phạt quy định, cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách; tạo điều kiện để bị cáo cải tạo, giáo dục và sửa chữa sai lầm, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội và gia đình đồng thời thể hiện sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Xử phạt bị cáo Lê Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/10/2021.

Giao bị cáo Lê Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đang cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/10/2021./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh